

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN Q Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 01/2017/QĐST-KDTM

Q, ngày 02 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ luật số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 quy định về phí và lệ phí;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2017 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2016/TLST-KDTM ngày 03/6/2016.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q**

Trụ sở chính: Số, Cát, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ- Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Anh Đ – Nhân viên ngân hàng TMCP Qtheo giấy uỷ quyền số 1993/UQ-HS ngày 19/6/2015

Bị đơn: **Anh Phạm Hoàng D** sinh năm 1984 và **chị Nguyễn Thị Tuyết N** sinh năm 1987.

Đều trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Tạ Đức N sinh năm 1962;

Bà Nguyễn Thị N sinh năm 1962;

Anh Tạ Đức T sinh năm 1988;

Chị Lê Thị V sinh năm 1994;

Anh Tạ Đức H sinh năm 1990;

Chị Bùi Thị X sinh năm 1992;

Cháu Tạ Đức Hoàng A;

Cháu Tạ Khánh L.

Anh T, chị V là người đại diện theo pháp luật của cháu A

Anh H, chị X là người đại diện theo pháp luật của cháu K

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều ủy quyền cho anh Phạm Hoàng D theo giấy ủy quyền ngày 13/01/2017.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện thỏa thuận : Anh Phạm Hoàng D và chị Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q theo hợp đồng tín dụng số 329.11.056.883486.TD ngày 06/12/2011 tạm tính đến ngày 05/01/2017 tổng số tiền là: 1.708.284.508 đồng (*một tỷ bảy trăm linh tám triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm linh tám đồng*);

Trong đó. Nợ gốc: 745.900.000 đồng.

Lãi trong hạn: 301.551.160 đồng, Lãi quá hạn: 660.833.348 đồng.

2. Kể từ ngày 06/01/2017, anh Phạm Hoàng D và chị Nguyễn Thị Tuyết N tiếp tục phải trả lãi cho Ngân hàng TMCP Q theo lãi suất thỏa thuận trên dư nợ gốc tính theo hợp đồng tín dụng số 329.11.056.883486.TD ngày 06/12/2011 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Chậm nhất đến ngày 30/4/2017, anh D, chị N phải thanh toán trả ngân hàng toàn bộ số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/01/2017.

3. Trong trường hợp anh D, chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Cụ thể:

Quyền sử dụng đất thửa đất số 625.1 tờ bản đồ số 01, diện tích 100m², đất ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BC607637 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 2193 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 24/5/2011 cho ông Tạ Đức Nam. Hợp đồng thế chấp số 4010/2011/HĐTC quyền số 09-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2011, đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai ngày 05/12/2011.

4. Về án phí: Anh Phạm Hoàng D và chị Nguyễn Thị Tuyết N tự nguyện nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 31.624.000 đồng (ba mươi một triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Trả lại ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.865.000 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006913 ngày 03/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Kiều Văn Thành